

Số: 31/QĐ-GDDT

Quận 3, ngày 12 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận học sinh giỏi cấp Quận năm học 2022 – 2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 3 ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quận 3;

Căn cứ kế hoạch số 28/KH-PGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Phòng GDĐT về tổ chức thi chọn đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 năm học 2022 - 2023;

Căn cứ văn bản số 200/PGDĐT ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Phòng GDĐT về tham gia hội thi “Khéo tay kỹ thuật cấp THCS” lần X cấp thành phố;

Căn cứ kết quả các hội thi khối Trung học cơ sở năm học 2022 – 2023.

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách Trung học cơ sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 223 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Giỏi cấp Quận năm học 2022 – 2023 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Bộ phận chuyên môn trung học cơ sở, Hiệu trưởng trường trung học cơ sở và học sinh được công nhận tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng GDTrH Sở GDĐT;
- Lưu: VT, THCS.



TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đăng Khoa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC SINH GIỎI CẤP QUẬN
Năm học 2022 - 2023

(Đính kèm Quyết định số 31/QĐ-PGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Phòng GDĐT Q3)

STT	Họ lót	Tên	Lớp	Tên trường	Môn	Ghi chú
1	Nguyễn Thiên	Phương	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán học	
2	Trần Đăng Gia	Huy	9_02	THCS Lê Quý Đôn	Toán học	
3	Đặng Minh	Khoa	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Toán học	
4	Lê Huỳnh Phúc	Tâm	9/1	THCS Bàn Cờ	Toán học	
5	Trần Danh	Quý	9/3	THCS Hai Bà Trưng	Toán học	
6	Lê Thanh	Duy	9A2	THCS Kiến Thiết	Toán học	
7	Ngô Nhật	Huy	9/1	THCS Bàn Cờ	Toán học	
8	Lê Anh	Khôi	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Toán học	
9	Nguyễn Đức	Trí	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Toán học	
10	Bùi Bảo	Trân	93	THCS Colette	Toán học	
11	Võ Hồng Cẩm	Tú	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Toán học	
12	Nguyễn Minh	Tú	9a9	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán học	
13	Nguyễn Ngọc Uyên	Trang	93	THCS Colette	Toán học	
14	Từ Trường	Phước	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Toán học	
15	Trần Hoàng Hải	Đăng	9a2	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán học	
16	Nguyễn Tấn	Toàn	93	THCS Colette	Toán học	
17	Nguyễn Hoàng	Long	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán học	
18	Nguyễn Việt Nam	Khánh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
19	Trần Minh	Huy	9/1	THCS Bàn Cờ	Vật lý	
20	Phan Thị Thu	Hà	9/3	THCS Bàn Cờ	Vật lý	
21	Trần Quang	Minh	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
22	Lâm Bảo	Hy	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
23	Hoàng Gia	Đăng	93	THCS Colette	Vật lý	
24	Nguyễn Đức	Thuận	9/1	THCS Bàn Cờ	Vật lý	
25	Nguyễn Khánh	Ngọc	9A1	THCS Bạch Đằng	Vật lý	
26	Lê Tuấn	Hùng	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
27	Vũ Ngọc Phương	Linh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
28	Nguyễn Xuân Nhật	Anh	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
29	Lưu Ngọc	Bích	93	THCS Colette	Vật lý	
30	Huỳnh Mai Minh	Đăng	9/2	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
31	Lê Khôi	Vỹ	93	THCS Colette	Vật lý	
32	Trần Nhật	Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
33	Đặng Quốc	Anh	9A1	THCS Bạch Đằng	Hóa học	
34	Huỳnh Khánh	Dư	97	THCS Colette	Hóa học	
35	Mai Nguyễn Hoàng	Long	9A4	THCS Bạch Đằng	Hóa học	
36	Huỳnh Gia	Hân	9A4	THCS Bạch Đằng	Hóa học	
37	Mai Nguyễn Ngọc	Nhi	9A1	THCS Bạch Đằng	Hóa học	
38	Trần Hữu Nam	Long	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	
39	Nguyễn Huỳnh	Quân	9/1	THCS Bàn Cờ	Hóa học	
40	Đặng Nguyễn Gia	Bảo	9/7	THCS Hai Bà Trưng	Hóa học	
41	Nguyễn Như	Ngọc	9a1	THCS Đoàn Thị Điểm	Hóa học	
42	Đoàn Thiên	An	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Hóa học	
43	Nguyễn Triệu	Vĩ	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	
44	Trần Nhật	Khánh	9/1	THCS Bàn Cờ	Hóa học	
45	Phan Trâm	Hương	9/4	THCS Hai Bà Trưng	Hóa học	
46	Lê Mai Quốc	Bảo	9a1	THCS Đoàn Thị Điểm	Hóa học	
47	Vương Khánh	Ngọc	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	
48	Hồ Minh	Đăng	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Sinh học	
49	Phạm Vũ Bảo	Trân	9/20	Quốc tế Á Châu	Sinh học	
50	Phạm Yến	Linh	9_07	THCS Lê Quý Đôn	Sinh học	
51	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Sinh học	

STT	Họ lót	Tên	Lớp	Tên trường	Môn	Ghi chú
52	Phan Vĩnh Gia	Hân	9-1	THCS Lê Lợi	Sinh học	
53	Nguyễn Anh	Khoa	9-8	THCS Lê Lợi	Sinh học	
54	Lê Hoàng	Linh	9/2	THCS Bàn Cờ	Sinh học	
55	Lâm Diễm	My	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Sinh học	
56	Đàm Việt	Nhân	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Sinh học	
57	Nguyễn Vũ Trọng	Nhân	92	THCS Colette	Sinh học	
58	Long Tâm	Như	9P1	THCS Colette	Sinh học	
59	Lưu Nguyễn Duy	San	9/3	THCS Bàn Cờ	Sinh học	
60	Phạm Nguyễn Vân	Anh	91	THCS Colette	Sinh học	
61	Trần Trịnh Trâm	Anh	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Sinh học	
62	Đỗ Xuân	Mai	9P1	THCS Colette	Sinh học	
63	Hoàng Nguyễn Phương	Anh	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
64	Lê Nguyễn Mai	Lâm	9A1	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	
65	Đặng Lý Anh	Thư	9/5	THCS Bàn Cờ	Ngữ văn	
66	Nguyễn Bảo	Nghi	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
67	Lê Tuấn Phát	Triển	9A2	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	
68	Trần Phương	Vy	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
69	Lê Trí	Bảo	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
70	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	9A3	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	
71	Phạm Nguyễn Thảo	Uyên	9-8	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	
72	Trần Nguyễn Gia	Hân	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
73	Quách Hồng	Phương	9/8	THCS Bàn Cờ	Ngữ văn	
74	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	9-4	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	
75	Lê Đặng Kim	Ngân	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
76	Phan Hoài Gia	Thịnh	9-6	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	
77	Trần Hồng Bảo	Thy	95	THCS Colette	Ngữ văn	
78	Đặng Trần Bảo	Ngọc	9/8	THCS Bàn Cờ	Lịch sử	
79	Tạ Thị Phương	Dung	9/4	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
80	Phạm Phú	Phúc	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
81	Mai Thảo	Nguyên	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
82	Nguyễn Thị Bảo	Trần	9/3	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
83	Trương Nguyễn Ánh	Minh	9A1	THCS Kiến Thiết	Lịch sử	
84	Trần Hữu Thiện	Nhân	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
85	Lê Vũ Thiên	Trung	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
86	Hồ Sỹ Phúc	Hy	9A1	THCS Bạch Đằng	Lịch sử	
87	Trịnh Huy Vĩnh	Lộc	91	THCS Colette	Lịch sử	
88	Phan Nguyễn Đức	Trí	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Lịch sử	
89	Nguyễn Thanh	Xuân	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	
90	Nguyễn Bích	Ngọc	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	
91	Nguyễn Trần Minh	Vy	9/3	THCS Bàn Cờ	Địa lý	
92	Võ Trần Gia	Hân	9/7	THCS Bàn Cờ	Địa lý	
93	Lê Ngọc Gia	Hân	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Địa lý	
94	Đặng Trần Anh	Thư	9A2	THCS Phan Sào Nam	Địa lý	
95	Nguyễn Hoài Gia	Ngọc	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Địa lý	
96	Nguyễn Thúy Phương	Thảo	9A3	THCS Kiến Thiết	Địa lý	
97	Lê Hưng	Phúc	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Địa lý	
98	Lê Đỗ Minh	Anh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Địa lý	
99	Lê Nhã	Kỳ	9A2	THCS Phan Sào Nam	Địa lý	
100	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	9/1	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý	
101	Đào Quốc Anh	Minh	91	THCS Colette	Địa lý	
102	Nguyễn Đình	Kiên	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Địa lý	
103	Lê Minh	Khánh	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ	
104	Nguyễn Thành	Hưng	9_07	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ	
105	Nguyễn Khắc Gia	Khánh	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ	
106	Trần Lê Gia	Khánh	9_04	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ	
107	Trần Quốc	Khang	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ	
108	Phan Minh	Tú	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Công nghệ	
109	Phạm Hoàng Mai	Anh	97	THCS Colette	Khoa học tự nhiên	

STT	Họ lót	Tên	Lớp	Tên trường	Môn	Ghi chú
110	Nguyễn Ngọc Phương	Loan	91	THCS Colette	Khoa học tự nhiên	
111	Trần Mai	Khanh	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
112	Phan Hoàng Ái	Tâm	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
113	Lê Thanh Nhã	Bình	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
114	Nguyễn Xuân	Nhi	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
115	Nguyễn Quốc	Việt	9A6	THCS Bạch Đằng	Khoa học tự nhiên	
116	Nguyễn Bảo	Quỳnh	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
117	Bùi Hoàng	Huân	9A3	THCS Thăng Long	Khoa học tự nhiên	
118	Huỳnh Thanh	Phúc	9-2	THCS Lê Lợi	Khoa học tự nhiên	
119	Nguyễn Lộc Thủy	Thiên	9A1	THCS Thăng Long	Khoa học tự nhiên	
120	Trần Lê Bảo	Trần	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
121	Nguyễn Thái Tuệ	Nghi	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Khoa học tự nhiên	
122	Trần Quang	Vinh	9-1	THCS Lê Lợi	Khoa học tự nhiên	
123	Phạm Quốc Phương	Trí	9_03	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
124	Nguyễn Minh	Kiệt	9P2	THCS Colette	Tin học	
125	Bùi Võ Quốc	Anh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Tin học	
126	Nguyễn Sơn	Khôi	91	THCS Colette	Tin học	
127	Tô Minh	Quang	9A1	THCS Bạch Đằng	Tin học	
128	Nguyễn Việt	Anh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Tin học	
129	Trịnh Thụy Nguyên	Cát	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Tin học	
130	Lê Ngọc Trọng	Nhân	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Tin học	
131	Nguyễn Quốc Nam	Anh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Tin học	
132	Phạm Võ Minh	Đăng	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
133	Trần Bùi Thụy	Anh	92	THCS Colette	Tiếng Anh	
134	Hà Tú	Anh	98	THCS Colette	Tiếng Anh	
135	Trịnh Tuấn	Hải	9_13	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
136	Nguyễn Duy	Khang	9-2	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	
137	Nguyễn Bá Phương	Quỳnh	94	THCS Colette	Tiếng Anh	
138	Nguyễn Đình	Thiên	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
139	Lê Cao Giáng	Ngọc	9A1	THCS Kiến Thiết	Tiếng Anh	
140	Vũ Anh	Khôi	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
141	Phan Bảo	Khánh	9A1	THCS Bạch Đằng	Tiếng Anh	
142	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	9/6	THCS Bàn Cờ	Tiếng Anh	
143	Nguyễn Anh	Quân	9/20	Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh	
144	Trần Huỳnh Bảo	Khánh	91	THCS Colette	Tiếng Anh	
145	Lý Công Minh	Triết	9-2	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	
146	Đặng Văn	Anh	9a1	THCS Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	
147	Phạm Vy	Anh	91	THCS Colette	Tiếng Anh	
148	Phan Hải	Anh	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
149	Hà Ngọc Thanh	Thảo	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
150	Nguyễn Thanh Hải	Yến	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
151	Võ Minh	Huy	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
152	Đỗ Bảo	Phúc	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
153	Nguyễn Ngọc	Hà	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
154	Đoàn Hải	Vy	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
155	Vũ Sơn	An	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
156	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
157	Phạm Quỳnh	Như	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
158	Trần Thủy Thiên	Băng	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
159	Nguyễn Kim	Thành	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
160	Cecchin Nguyễn Jules	An	P1	THCS Colette	Tiếng Pháp	
161	Lưu Di	Cẩm	P2	THCS Colette	Tiếng Pháp	
162	Đỗ Minh	Châu	P1	THCS Colette	Tiếng Pháp	
163	Trần Ánh	Dung	P1	THCS Colette	Tiếng Pháp	
164	Lê Tuấn	Hưng	P1	THCS Colette	Tiếng Pháp	
165	Vũ Ngọc Sao	Khuê	P1	THCS Colette	Tiếng Pháp	
166	Đỗ Hào Bảo	Ngân	P2	THCS Colette	Tiếng Pháp	
167	Ninh Võ Minh	Ngọc	P1	THCS Colette	Tiếng Pháp	

STT	Họ lót	Tên	Lớp	Tên trường	Môn	Ghi chú
168	Phạm Thiên	Thanh	P2	THCS Colette	Tiếng Pháp	
169	Đặng Anh Gia	Tuệ	P2	THCS Colette	Tiếng Pháp	
170	Nguyễn Ngọc Tú	Anh		THCS Lê Lợi	Ngữ văn	Hội thi Văn hay chữ tốt
171	Lại Hoàng	Ngọc		THCS Lê Lợi	Ngữ văn	Hội thi Văn hay chữ tốt
172	Nguyễn Ngọc Cát	Tường		THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	Hội thi Văn hay chữ tốt
173	Trương Nguyễn Thanh	Tâm		THCS Colette	Ngữ văn	Hội thi Văn hay chữ tốt
174	Trương Nguyễn Ánh	Minh		THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	Hội thi Văn hay chữ tốt
175	Phạm Nguyễn Thảo	Uyên		THCS Lê Lợi	Ngữ văn	Hội thi Văn hay chữ tốt
176	Trần Ngọc Kỳ	Anh		THCS Đoàn Thị Điểm		Hội thi Lớn lên cùng sách
177	Thái Gia	Hân		THCS Lê Quý Đôn		Hội thi Lớn lên cùng sách
178	Vũ Khắc Minh	Quân		THCS Lê Lợi		Hội thi Lớn lên cùng sách
179	Mai Ái	Khuê		THCS Hai Bà Trưng		Hội thi Lớn lên cùng sách
180	Trần Phương	Tâm		Quốc tế Á Châu		Hội thi Lớn lên cùng sách
181	Đinh Nguyên	Hương		THCS Bạch Đằng		Hội thi Lớn lên cùng sách
182	Trần Ngọc Minh	Châu		THCS Hai Bà Trưng		Hội thi Lớn lên cùng sách
183	Đào Phương	Nghi		THCS Kiến Thiết		Hội thi Lớn lên cùng sách
184	Phạm Thụy Hoài	Nhân		THCS Lê Lợi	Cắm hoa	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
185	Võ Hà	Linh		THCS Lê Lợi	Cắm hoa	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
186	Trần Lan	Anh		THCS Lê Lợi	Cắm hoa	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
187	Ngô Minh	An		THCS Bạch Đằng	Crocodile Chemistry	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
188	Ngô Minh	Khang		THCS Bạch Đằng	Crocodile Chemistry	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
189	Lê Ngọc Mai	Khôi		THCS Hai Bà Trưng	Crocodile Physics	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
190	Lê Kiều Khánh	Linh		THCS Hai Bà Trưng	Crocodile Physics	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
191	Trần Hoàng Anh	Thư		THCS Phan Sào Nam	Kết hạt	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
192	Đặng Trần Anh	Thư		THCS Phan Sào Nam	Kết hạt	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
193	Nguyễn Thị Kiều	Trúc		THCS Phan Sào Nam	Kết hạt	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
194	Nguyễn Ngọc Khả	Doanh		THCS Bàn Cờ	Làm hoa, làm búp bê	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
195	Võ Trần Hoàn	Kim		THCS Bàn Cờ	Làm hoa, làm búp bê	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
196	Lưu Nguyễn Quỳnh	Anh		THCS Bàn Cờ	Làm hoa, làm búp bê	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
197	Nguyễn Lê Phương	Quỳnh		THCS Colette	Nấu ăn	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
198	Trần Minh	Như		THCS Colette	Nấu ăn	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
199	Phạm Nguyễn Thúy	Hằng		THCS Colette	Nấu ăn	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
200	Lê Thiên	Long		THCS Hai Bà Trưng	Sáng tạo với Scratch	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
201	Nguyễn Tấn	Đức		THCS Hai Bà Trưng	Sáng tạo với Scratch	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
202	Nguyễn Hoàng Bảo	Nghi		THCS Lương Thế Vinh	Thiết kế hộp, gói quà	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
203	Nguyễn Thị Uyên	Thanh		THCS Lương Thế Vinh	Thiết kế hộp, gói quà	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
204	Nguyễn Phú Bội	Trân		THCS Lương Thế Vinh	Thiết kế hộp, gói quà	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
205	Nguyễn Hoàng Mỹ	An		THCS Lê Quý Đôn	Thiết kế mạch điện thông minh	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
206	Trần Mạnh	Tường		THCS Lê Quý Đôn	Thiết kế mạch điện thông minh	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
207	Nguyễn Thành	Hưng		THCS Lê Quý Đôn	Thiết kế mạch điện thông minh	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
208	Ngô Đại	Hưng		THCS Đoàn Thị Điểm	Thiết kế mô hình thủy canh	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
209	Mai Thành	Nhân		THCS Đoàn Thị Điểm	Thiết kế mô hình thủy canh	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
210	Đỗ Quang	Thắng		THCS Đoàn Thị Điểm	Thiết kế mô hình thủy canh	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
211	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như		THCS Kiến Thiết	Thiết kế thời trang	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
212	Huỳnh Hân	Di		THCS Kiến Thiết	Thiết kế thời trang	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
213	Đinh Gia	Hân		THCS Kiến Thiết	Thiết kế thời trang	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
214	Nguyễn Kim Thiên	Min		THCS Thăng Long	Thiết kế, trang trí thiệp	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
215	Võ Ngọc Hải	Yến		THCS Thăng Long	Thiết kế, trang trí thiệp	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
216	Tiêu Ân	Nhi		THCS Thăng Long	Thiết kế, trang trí thiệp	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
217	Huỳnh Ý	Thy		THCS Lê Quý Đôn	Vẽ kỹ thuật	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
218	Nguyễn Ngọc Hà	Anh		THCS Lê Quý Đôn	Vẽ kỹ thuật	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
219	Nguyễn Ngọc Thy	Nga		THCS Lê Quý Đôn	Vẽ kỹ thuật	Hội thi Khéo tay kỹ thuật
220	Hà Ngọc Minh	Khôi		THCS Bàn cờ		An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai
221	Lữ Hoàng Bảo	Trân		THCS Bàn cờ		An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai
222	Đặng Anh	Thy		THCS Bàn cờ		An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai
223	Ngô Mai Thảo	Quỳnh		THCS Bàn cờ		An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai

Tổng cộng danh sách có 223 học sinh được công nhận./.